TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 88/2024/QĐST-HNGĐ	*H, ngày 04 tháng 7 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 122/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, yêu cầu công nhận thỏa thuận về chia tài sản chung" giữa:

Nguyên đơn: Nguyễn Xuân N, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn Th, xã C, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: Chị Lê Thị Tr, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn Th, xã C, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

Căn cứ vào các Điều 212; Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 55; 58; 81; 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 6 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 6 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Xuân N và chị Lê Thị Tr.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con: Công nhận Nguyễn Xuân N và chị Lê Thị Tr có hai con chung là cháu Nguyễn Văn D, sinh ngày 24/3/2013 (hiện đang ở cùng anh N) và cháu Nguyễn Văn S, sinh ngày 27/10/2016 (hiện đang ở cùng chị Tr).

Công nhận sự thỏa thuận về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Giao cho anh Nguyễn Xuân N trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Văn D, chị Lê Thị Tr trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Văn S, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên đương sự có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản và công nợ:

Công nhận sự thỏa thuận về chia tài sản chung của anh Nguyễn Xuân N và chị Lê Thị Tr. Cụ thể:

Anh Nguyễn Xuân N và chị Lê Thị Tr có khối tài sản chung là quyền sử dụng thửa đất số 118, tờ bản đồ số 03 (E_48_08_137_e), bản đồ địa chính xã C, đã được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 539006, ngày 10/5/2017, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH 01171, tên chủ sử dụng cho ông Nguyễn Xuân N và Lê Thị Tr.

Anh Nguyễn Xuân N có trách nhiệm giao lại giá trị tài sản bằng tiền cho chị Lê Thị Tr với số tiền là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) (Anh N đã giao đầy đủ số tiền này cho chị Tr vào ngày 04/6/2024). Anh Nguyễn Xuân N được quyền là chủ sử dụng đối với toàn bộ thửa đất số 118, tờ bản đồ số 03 (E_48_08_137_e), bản đồ địa chính xã C, đã được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 539006, ngày 10/5/2017, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH 01171.

Anh Nguyễn Xuân N có trách nhiệm liên hệ đến cơ quan chức năng để điều chỉnh thông tin trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Do anh Nguyễn Xuân N và chị Lê Thị Tr tự thỏa thuận về chia tài sản chung của vợ chồng trước khi Tòa án tiến hành hòa giải và đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận về chia tài sản chung nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Anh Nguyễn Xuân N tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003825 ngày 02 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H. Trả lại cho anh Nguyễn Xuân N số tiền 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng).*

Trong Tr hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành (ngày 04/7/2024) và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Thanh Hóa;*
- *VKSND huyện H;*
- *Chi cục THADS huyện H;*
- *UBND xã C;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

Lê Thị Ngọc Tú